

Số: /GPMT-UBND

TP. Kon Tum, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Trên cơ sở đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Tân Hưng tại Văn bản số 50/CV-CT ngày 28 tháng 11 năm 2024; Văn bản số 52/2004/CV-TH ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án/cơ sở Đầu tư khai thác khoáng sản mở cát làm vật liệu xây dựng thông thường thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà và thôn Kon Jơ Ri, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 328/TTr-TNMT ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cơ sở: Đầu tư khai thác khoáng sản mở cát làm vật liệu xây dựng thông thường thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà và thôn Kon Jơ Ri, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tân Hưng (địa chỉ: 86 đường Trần Văn Hai, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Đầu tư khai thác khoáng sản mở cát làm vật liệu xây dựng thông thường thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà và thôn Kon Jơ Ri, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên Chủ dự án: Công ty Cổ phần Tân Hưng.

- Địa chỉ trụ sở: Số nhà 86 đường Trần Văn Hai, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Linh, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Điện thoại: 02603910657.

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6100190002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 01/3/2004, thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 7 năm 2017.

- Mã số thuế: 6100190002.

1.3. Tên dự án đầu tư: Đầu tư khai thác khoáng sản mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà và thôn Kon Jơ Ri, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Địa điểm hoạt động: Tại điểm mỏ trên sông Đăk Blà thuộc ranh giới hành chính thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà và thôn Kon Jơ Ri, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2018 và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024.

- Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công: Dự án nhóm C (dự án có tổng vốn đầu tư 1.882.364.000 đồng)

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản.

1.5. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Quy mô sử dụng đất, mặt nước: Tổng diện tích sử dụng đất, mặt nước là 14.372 m². Trong đó:

+ Diện tích khai trường khai thác là: 12.500 m².

+ Diện tích khu vực mặt bằng sân công nghiệp: 1.872 m².

- Trữ lượng mỏ:

Theo Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2014 của UBND tỉnh và Văn bản số 533/SCT-KHTC ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Sở Công thương tỉnh Kon Tum thì trữ lượng tài nguyên khoáng sản cát của dự án Đầu tư khai thác khoáng sản mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà và thôn Kon Jơ Ri, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum như sau:

+ Trữ lượng cấp 121 tính đến ngày 31/5/2014 (m³): 15.000 m³.

+ Trữ lượng tài nguyên cấp 222 tính đến ngày 31/12/2020 (m³): 90.000 m³.

1.6. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án:

- Công suất hoạt động của dự án:

+ Tổng trữ lượng khoáng sản làm VLXDĐT đưa vào thiết kế khai thác: 90.000 m³ ở thể tự nhiên.

+ Công suất khai thác: 15.000 m³ khoáng sản ở thể tự nhiên/năm.

- Công nghệ của dự án: Bơm hút cát.

- Sản phẩm sản xuất dự án: Cát làm vật liệu xây dựng thông thường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1,2,3,4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tân Hưng

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần Tân Hưng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Đến ngày 02 tháng 3 năm 2025.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- Công ty Cổ phần Tân Hưng;
- Phòng TN&MT TP;
- UBND xã Đăk Rơ Wa;
- UBND xã Đăk Blà;
- Trang thông tin điện tử TP;
- Đ/c CVP, đ/c Bình – PCVP;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày .. tháng...năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân trong giai đoạn khai thác.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất: Từ hoạt động bơm hút cát và lọc cát tại bãi tập kết.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải sinh hoạt:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh qua đường ống thu gom về bể tự hoại có dung tích 7 m³sau đó qua ống nhựa PVC Φ114, ra môi trường đất (giếng thấm).

- Vị trí xả nước thải: Vị trí xả vào môi trường đất (giếng thấm), tọa độ: X = 1589370; Y= 0558365 (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục 107^o30', múi chiếu 3^o)thuộc thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,54 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải:Tự thấm vào đất.

- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ/ngày).

- Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo Cột B- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Giá trị giới hạn các thành phần ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) $C_{max}=CxK$ với $K=1,2$
1	pH	-	5 – 9

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) $C_{max}=C_xK$ với $K=1,2$
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

2.2. Dòng nước thải sản xuất:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Đăk Bla.

- Vị trí xả nước thải: Xả vào sông Đăk Bla tại 02 vị trí: Vị trí 1 có tọa độ: X = 1.589.296, Y = 0558.262; Vị trí 2 có tọa độ: X = 1.589.287, Y = 0558.302 (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục 107⁰30', múi chiếu 3^o) thuộc thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Khoảng 45 m³/ngày.đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (8 giờ/ngày).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo Cột A- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Giá trị giới hạn các thành phần ô nhiễm trong nước thải cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) với $C_{max} = C_xK_q \times K_f$ với $K_q = 0,9, K_f = 1,2$
1	pH	-	6-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	32,4
3	COD	mg/l	81

4	TSS	mg/l	54
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,32
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

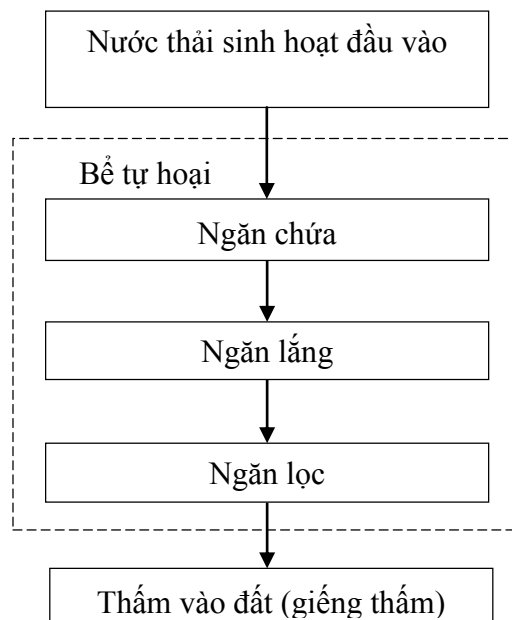
- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh,... được thu gom bằng các đường ống dẫn vào bể tự hoại 03 ngăn có dung tích 7m³ để xử lý, nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn được dẫn qua giếng thăm tự thấm vào môi trường đất qua đường ống PVC có Φ114.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình bơm hút cát và lọc cát tại bãi tập kết tự chảy ra rãnh đất thoát nước hình thang có kích thước 0,4 m x 0,4m x 1,2 m bố trí dọc theo 2 bên bãi tập kết về 2 hồ lắng bằng đất (kích thước mỗi hồ 5m x 5m x 2m) để lắng cặn đất, cát và rác, sau đó dẫn thoát ra sông Đăk Bla.

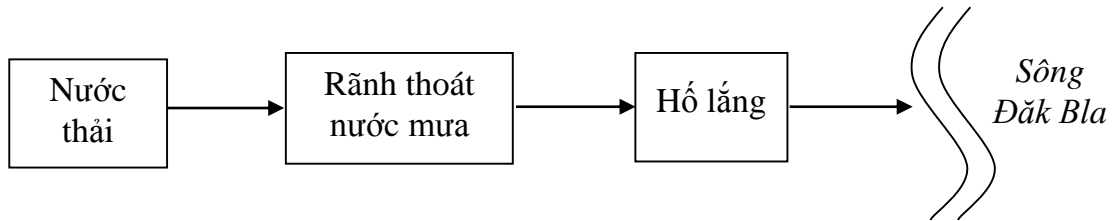
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 7 m³ đặt ngầm bên ngoài khu nhà văn phòng. Tại ngăn thứ nhất các chất hữu cơ trong nước thải được lên men phân hủy yếm khí, các cặn lớn lắng xuống đáy và phần nước được dẫn qua ngăn thứ 2 để tiếp tục phân hủy các chất hữu cơ còn lại và các cặn lắng lơ lửng, nước thải sau khi xử lý ở ngăn thứ 2 dẫn qua ngăn thứ 3 để tiếp tục lắng. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại được dẫn ra giếng thăm và thấm đất. Phần cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3-6 tháng, thuê đơn vị chức năng hút định kỳ.

Sơ đồ và quy trình xử lý như sau:



- Nước thải sản xuất: Tự chảy tự chảy ra rãnh đất thoát nước hình thang có kích thước 0,4 m x 0,4m x 1,2 m bố trí dọc theo 2 bên bãi tập kết về 2 hố lắng bằng đất (kích thước mỗi hố 5m x 5m x 2m) sau đó dẫn thoát ra sông Đăk Bla. Sơ đồ thu gom, xử lý như sau:



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Trong quá trình hoạt động của cơ sở có thể phát sinh các sự cố do vận hành các bể tự hoại, hoặc sự cố tắc nghẽn, vỡ đường ống thoát nước mưa, nước thải.

Sự cố nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định do lượng vi sinh vật trong bể tự hoại không đủ hoặc do bùn trong bể quá tải. Giải pháp đặt ra là bổ sung chế phẩm vi sinh và định kỳ nạo vét bùn cặn nhằm tăng khả năng lắng của nước thải.

Sự cố tắc rãnh thoát nước mưa, nước thải do do bùn, đất, dầu mỡ hoặc các chất rắn khác làm đầy rãnh. Thực hiện định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước, tránh hiện tượng tắc nghẽn gây ngập úng khi có mưa lớn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với nước thải quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.3. Công ty Cổ phần Tân Hưng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngàytháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của cơ sở chủ yếu gồm: hoạt động của các loại máy móc, thiết bị khai thác cát, máy xúc và các phương tiện vận chuyển ra vào tại khu vực.

2. Tiếng ồn: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ, dBA
1	Khu vực đặc biệt	55
2	Khu vực thông thường	70
3	Khu vực làm việc	85

3. Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ, dB
1	Khu vực đặc biệt	60
2	Khu vực thông thường	70

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị.
- Bố trí thời gian khai thác, vận chuyển hợp lý; hạn chế hoạt động vào giờ nghỉ (*buổi trưa và tối*) tránh gây ảnh hưởng đến khu dân cư gần khu vực.
- Sử dụng các máy móc, thiết bị hiện đại; trang bị hệ thống giảm thanh nhằm hạn chế tiếng ồn đến mức tối đa; thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên; vận hành máy móc đúng công suất và đúng quy trình.
- Các phương tiện vận chuyển hạn chế bóp còi và không được nổ máy khi dừng đỗ chờ bốc xúc cát.
- Bố trí khu vực nghỉ ngơi của công nhân cách xa khu vực khai thác và bãi tập kết. Hạn chế hoạt động trong giờ nghỉ trưa.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại phần A phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng.....năm2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng	03
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu	18 02 01	Rắn	12
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	01
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	02
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	01
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	16
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	10
8	Các loại sập và mỡ thải	17 07 04	Lỏng	02
9	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	Rắn	01
Tổng				48

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

a) *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chất thải rắn loại này chủ yếu gồm các chất hữu cơ dễ phân hủy và một số rác thải khó phân hủy như: Bao bì, nylon, vỏ chai, đồ hộp... Với tổng số lao động 06 người, trung bình mỗi người thải 0,9 kg/ngày (Theo QCVN 01:2021/BXD) nên lượng rác thải sinh hoạt mỗi ngày khoảng 5,4 kg/ngày.

b) *Chất thải rắn sản xuất*: Trong quá trình hoạt động khai thác thành phần chất thải rắn chủ yếu là cây, lá mục, sạn sỏi nhờ từ quá trình bơm hút gập phải. Khối lượng chất thải không nhiều thường gập nhiều nhất vào mùa mưa, lượng chất thải này khoảng 5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: Lưu giữ trong các thùng phuy chứa dung tích 200 lít (trên thùng có ký hiệu biểu tượng về chất thải nguy hại) để nhận biết theo đúng quy định.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại: diện tích khoảng 12 m², kho được xây dựng kiên cố trên nền xi măng cao, mái che bằng tôn, có cửa đóng kín.

Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đã hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 02 thùng rác bằng nhựa, có nắp đậy.
- Công tác thu gom: Bố trí các thùng rác đặt tại khu vực mặt bằng sân công nghiệp để thu gom chất thải phát sinh.
- Công tác xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay tại nguồn, các loại chất thải rắn có thể tái chế (*chai nhựa, lon nước ngọt, hộp giấy, ...*) được tách riêng để bán cho đơn vị thu mua phế liệu. Các loại chất thải còn lại hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường đến thu gom, xử lý. Công ty đã ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Kon Tum để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

a) Tai nạn lao động, tai nạn giao thông

- Đề ra quy định an toàn lao động, thường xuyên giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn lao động của công nhân.
- Vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình kỹ thuật, điều khiển phương tiện tuân thủ quy định an toàn giao thông.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân.
- Không tiến hành khai thác vào những ngày mưa bão, nước sông dâng cao, chảy xiết gây nguy hiểm cho tính mạng công nhân.

b) Sự cố cháy nổ

- Xây dựng nội quy về phòng chống cháy nổ và phòng cháy chữa cháy trong quá trình hoạt động khai thác tại cơ sở. Tuyên truyền cho công nhân các quy định của pháp luật về PCCC và các biện pháp xử lý khi có sự cố xảy ra.
- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện, đường dây dẫn điện tránh để xảy ra sự cố chập điện gây cháy nổ.
- Khu vực làm việc phải trang bị các thiết bị, dụng cụ PCCC phổ thông như: Bình chữa cháy, thùng cát, bể nước,...
- Bố trí khu vực lưu giữ nhiên liệu (*xăng, dầu*), chất thải dễ cháy (*dầu mỡ thải*) và các loại máy móc, thiết bị sử dụng xăng dầu, ... phù hợp đảm bảo khoảng cách an toàn để phòng ngừa cháy nổ.

c) Biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở bờ trong quá trình khai thác

Trong quá trình hoạt động khai thác từ khi được cấp phép đến nay, theo quan sát thực tế tại khu vực khai thác vẫn chưa xảy ra hiện tượng sạt lở bờ sông. Đề nghị, Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp sau:

- Trong quá trình khai thác cát, thường xuyên giám sát hai bên bờ sông khu vực khai thác (*đặc biệt là vào mùa mưa lũ*).

- Khai thác cát đúng theo phương pháp và vị trí đã được phê duyệt. Không khai thác gần bờ và quá độ sâu quy định.

- Tuân thủ khoảng cách an toàn đối với bờ sông. Không chế độ sâu khai thác đúng theo giấy phép khai thác quy định.

- Khai thác dọc theo hướng dòng chảy của sông để tránh sự thay đổi dòng chảy và bãi bồi để khơi thông dòng chảy.

- Trong quá trình khai thác, Công ty cam kết nghiêm chỉnh thực hiện đúng theo quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... /GPMT-UBND ngày... ..tháng..... năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường:**

- Tại khu vực khai thác: Tháo dỡ và di dời máy hút, đường ống. Các thiết bị, máy móc sau khi kết thúc khai thác sẽ được vận chuyển từ khu vực khai thác về kho của Công ty tại Số nhà 86 đường Trần Văn Hai, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; lắp đặt rọ đá chống sạt lở bờ sông với chiều dài 50 m, thảm bao tải cát với chiều dài 110m; nạo vét, thu dọn chướng ngại vật lòng sông với khối lượng 8,75m³.

- Tại khu vực bãi tập kết và khu phụ trợ: Tháo dỡ các hạng mục công trình dân dụng, hệ thống điện, thiết bị vệ sinh; vệ sinh toàn bộ khu vực; tạo rãnh thoát nước với chiều dài 60m; chống sạt khu vực bãi tập kết với chiều dài 10 m; San gạt mặt bằng khu vực sân công nghiệp với khối lượng 540 m³.

- Tuyến đường vận chuyển: Tu bổ và cải tạo đường giao thông với khối lượng 880 m³.

2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và thời gian thực hiện:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Kinh phí (đồng)	Thời gian thực hiện	
I	Khu vực khai trường khai thác				
1.1	Chống sạt lở bờ sông			Sau khi kết thúc khai thác	
	Làm và thả rọ đá 2x1x0,5m	51 rọ	65.223.505		
	Thảm bao tải cát kết hợp đóng cọc tre	110 m	44.096.959		
1.2	Tháo dỡ và di dời 02 máy hút cát + bè tạm, 02 ghe. Máy hút cát và bè tạm, ghe hút cát được vận chuyển cùng với kết cấu sắt, thép, tôn,... về kho chứa của Công ty tại Số nhà 86, đường Trần Văn Hai, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.				
	Bóc xếp cấu kiện bằng cơ giới (bóc xếp 02 máy hút cát, bè tạm).	16 tấn	2.329.500		
	Vận tải các cấu kiện 16 tấn bằng ô tô thùng loại 10 tấn trên quãng đường 3,5 km.	10 tấn	1.633.269		
1.3	Vệ sinh môi trường khai trường khai thác: Thu dọn rác thải, cây cối lảng động trong khu vực đã khai thác và đổ thải tại bãi rác của địa phương	8,75 m ³	929.315		

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Kinh phí (đồng)	Thời gian thực hiện
II	<i>Khu vực sân công nghiệp (bãi chứa cát, sỏi, khu phụ trợ), đường vận chuyển nội bộ</i>			Sau khi kết thúc khai thác
2.1	Xây dựng mương thoát nước			
	Vận dụng công tác AB.21132 - Đào san đất tạo mặt bằng bằng máy đào $\leq 1,25m^3$, đất C2 để đào mương thoát nước. Mương thoát nước rộng 1 m, sâu 0,5 m, chiều dài mương 60 m, khối lượng đào là $30 m^3$.	30 m ³	251.488	
	Vận dụng công tác làm và thả rọ đá 1x2x0,5m để thấm đáy mương và kê bờ mương thoát nước phòng chống sạt lở. Chiều dài đoạn mương có nguy cơ sạt lở là 10 m, số lượng rọ đá thấm đáy là 5 rọ, số lượng rọ đá kê bờ mương là 10 rọ.	15 rọ	19.001.621	
2.2	Tháo dỡ nhà điều hành, nhà kho và nhà ở công nhân, bể chứa nước và các công trình phụ trợ, bóc xúc và vận chuyển gạch đá thải			
	<i>Tháo dỡ mái tôn chiều cao $\leq 4 m$</i>	265 m ²	1.517.557	
	<i>Tháo dỡ kết cấu sắt thép chiều cao $\leq 4 m$</i>	0,93532 tấn	1.160.517	
	<i>Phá dỡ tường gạch, nền móng, ...</i>	16,126 m ³	250.898	
	<i>Vận chuyển 16,126 m³ xà bần thải bằng ô tô tự đổ 7 m³ (khoảng 12 tấn) trong phạm vi 12,5 km</i>	16,126 m ³	193.077	
2.3	Vệ sinh môi trường			
	Hút chất thải từ hầm tự hoại	5 m ³	1.602.387	
	Xử lý khử trùng	15 m ²	892.066	
2.4	San gạt mặt bằng khu vực sân công nghiệp	540 m ³	3.094.651	
2.5	San gạt tuyến đường vận chuyển nội bộ, trả lại mặt bằng	880 m ³	4.924.172	

3. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là **227.447.774 đồng** (Hai trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng). Tổng số tiền Công ty đã thực hiện ký quỹ 227.447.774 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng)¹.

- Đến thời điểm cấp Giấy phép môi trường, Công ty đã ký quỹ đầy đủ theo

¹Thực hiện theo Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường dự án “Đầu tư khai thác khoáng sản mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà và thôn Kon Jo Ri, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum”.

kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

7. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định.
